

TRUNG TÂM THÔNG TIN – TƯ LIỆU

VIỆN NGHIÊN CỨU QUẢN LÝ KINH TẾ TRUNG ƯƠNG

**CHUYỂN ĐỔI NÔNG NGHIỆP THEO HƯỚNG TĂNG GIÁ TRỊ,
GIẢM CHI PHÍ ĐẦU VÀO NHẪM THỨC ĐẨY TĂNG TRƯỞNG
TRONG GIAI ĐOẠN TỚI**

MỤC LỤC

1. Đặc thù đất nước và những lợi thế phát triển nông sản hàng hóa	2
2. Thách thức phát triển và vấn đề cải cách nông nghiệp để thúc đẩy tăng trưởng...4	
3. Xuất khẩu nông sản, thành công và nét mới từ các ngành hàng.....8	
4. Chuyển đổi ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị giảm chi phí đầu vào	11

Phát triển nông nghiệp, nông thôn có ảnh hưởng quyết định đến quá trình phát triển kinh tế-xã hội và công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Với nhịp độ gia tăng giá trị sản xuất bình quân 4,06%/năm trong 30 năm đổi mới (1986-2016), nông nghiệp và kinh tế nông thôn đã tạo nền tảng bảo đảm cân bằng trong phát triển kinh tế xã hội cả nước. Sau khủng hoảng tài chính cuối thập niên 2010, thời kỳ 2011-2015 sản xuất nông nghiệp đạt kết quả khá toàn diện với tốc độ tăng trưởng bình quân 3,13%/năm. Nhờ chất lượng được cải thiện, giá trị gia tăng liên tục tăng cao; ngành nông nghiệp đã có 10 mặt hàng xuất khẩu đạt kim ngạch trên 1 tỷ USD, đưa Việt Nam trở thành một trong 5 quốc gia xuất khẩu nông sản hàng đầu thế giới.

Tiềm năng và lợi thế nông sản hàng hóa được đề cập trong nhiều công trình nghiên cứu. Tuy nhiên, chất lượng, tính bền vững tăng trưởng và phương thức phát triển còn nhiều giới hạn. Thực trạng tỷ suất lợi nhuận thấp, thiếu việc làm đối với lao động nông thôn, an toàn thực phẩm không đảm bảo và những hạn chế quản lý, đổi mới sáng tạo đã bộc lộ rõ qua chất lượng tăng trưởng của nền kinh tế. Từ khát vọng hướng tới một đất nước thịnh vượng, sáng tạo, công bằng và dân chủ; nông nghiệp Việt Nam cần trở thành nguồn sinh kế, mang lại từ 25% đến 30% tổng số việc làm trong nền kinh tế. Mục tiêu phát triển đất nước trong tầm nhìn dài hạn đòi hỏi ngành nông nghiệp phải chuyển đổi mạnh mẽ theo hướng tăng giá trị, giảm chi phí đầu vào.

1. Đặc thù đất nước và những lợi thế phát triển nông sản hàng hóa

Nằm dọc theo bờ Biển Đông, Việt Nam là nước có đường biên giới liền kề với Vịnh Thái Lan, Vịnh Bắc Bộ và Biển Đông; tiếp giáp nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ở phía Bắc và Lào, Campuchia ở phía Tây. Đất nước có hình chữ S, chạy dài trên 15 vĩ độ với khoảng cách từ cực Bắc tới cực Nam trên 1.648 km. Do sự khác biệt về địa hình và điều kiện tự nhiên, khí hậu được hình

theo 3 vùng rõ rệt. Miền Bắc khí hậu cận nhiệt đới ẩm, có mùa đông lạnh; miền Trung mang đặc điểm nhiệt đới gió mùa và miền Nam nằm trong vùng nhiệt đới. Nhiệt độ trung bình cả nước hàng năm dao động từ 5°C (thấp nhất vào tháng 12-01) đến 37 °C (nóng nhất, tháng 6-7) với độ ẩm thay đổi từ 84 đến 100%.

Nền nhiệt độ cùng lượng mưa hàng năm lớn, ánh sáng dồi dào hình thành điều kiện tự nhiên thuận lợi để phát triển sản phẩm nông nghiệp mang bản sắc riêng của các tiểu vùng sinh thái đất thấp, đồi núi, cao nguyên và ven biển.

Từ điều kiện tốt để phát triển nông nghiệp sinh thái đa dạng, Việt Nam có thể trồng được nhiều loại rau, củ, quả vụ đông phù hợp với nhu cầu tiêu dùng của nhiều nước ôn đới trong mùa đông bán giá (Wikipedia, Cổng thông tin điện tử Chính phủ, 2017).

Nhìn nhận về lợi thế phát triển nông nghiệp, Viện sĩ người Nga V.A. Ti-Khôn-Nốp từng đánh giá “*Việt Nam có những điều kiện thiên nhiên tuyệt vời để phát triển những nông sản quý như chuối, dưa, cà phê v.v....* Song, theo ông, *vấn đề cần là phải xây dựng được một cơ cấu phát triển hợp lý, thích ứng với điều kiện sẵn có; xuất phát từ nhu nội tại đồng thời phải nghiên cứu những yếu tố bên ngoài, cách sử dụng ngoại thương và thị trường ngoài nước để tăng cường các nguồn lực dự trữ của mình* (Tikhonop 1981).

Là ngành sử dụng tiềm năng sinh học, quá trình sản xuất nông nghiệp được quyết định bởi nội dung và tốc độ hoạt động phức tạp của các quy trình sinh vật. Để làm chủ sản xuất, người làm nông nghiệp cần nhận thức được những quy luật tự nhiên để tìm giải pháp thích nghi. Theo đó, khó khăn trong quản lý là làm cho người sản xuất quan tâm đến lợi ích trong sử dụng các quá trình sinh học để tạo ra nhiều sản phẩm sau cùng trong chuỗi giá trị ngành hàng.

Trong chuỗi giá trị toàn cầu; hoạt động sản xuất nông sản được thực hiện bởi nhiều tổ chức và diễn ra trên phạm vi rộng. Phân công lao động quốc tế ngày nay là xu thế tất yếu và biên giới quốc gia không còn là giới hạn để quy định không

gian phát triển. Đến nay, nhiều ngành hàng nông sản của Việt Nam còn dựa vào lao động giản đơn; công nghệ thích hợp với quy mô sản xuất nhỏ với lợi thế so sánh thấp; xuất khẩu ở dạng thô, giá trị gia tăng thấp và lợi ích thu được không cao. Tuy nhiên, với cùng một lượng kim ngạch xuất khẩu so với các mặt hàng công nghiệp (như dệt may, da giày hoặc lắp ráp điện tử,...), mặt hàng nông sản có chi phí ngoại tệ thấp hơn nên có thể mang lại số ngoại tệ ròng cao hơn (xem Bảng 1).

Bảng 1: Tỷ trọng trong chuỗi giá trị toàn cầu của hàng hóa xuất khẩu Việt Nam

Đơn vị: %

	<i>Tỷ lệ thực hiện trong nước</i>	<i>Tỷ lệ thực hiện ở nước ngoài</i>
<i>Công nghiệp</i>	Gia công, lắp ráp, chế biến 20-30%	Nhập khẩu nguyên vật liệu: 70-80%
<i>Nông sản</i>	Nông- lâm-thủy sản 50%	Chế biến ở nước ngoài 50%

Nguồn: Hà Văn Sự, 2011

2. Thách thức phát triển và vấn đề cải cách nông nghiệp để thúc đẩy tăng trưởng

Trong tầm nhìn dài hạn hướng tới một quốc gia thịnh vượng, sáng tạo, công bằng và dân chủ, khát vọng Việt Nam đạt mức thu nhập trung bình cao là đòi hỏi lớn đặt ra. Để đạt mục tiêu này, từ nay đến 2030 tăng trưởng GDP bình quân hàng năm phải đạt từ 7% đến 8% (Lê Thành Ý, 2016).

Mặc dù lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ phát triển mạnh, tăng trưởng kinh tế giữ được ổn định, song còn dưới mức cần thiết để đạt được vị thế của nước có thu nhập trung bình cao; ngược lại, có nguy cơ tiềm ẩn về bẫy thu nhập trung bình. Thách thức đặt ra trong các ưu tiên chính sách là nâng tăng trưởng dài hạn một cách bền vững ở mức trên 7%/năm từ nay đến 2030.

Chuỗi số liệu tăng trưởng GDP, tỷ lệ tăng sản phẩm nông nghiệp và kim ngạch xuất khẩu nông sản từ những năm khởi đầu đổi mới đến nay cho thấy, nông nghiệp đã trở thành cứu cánh của nền kinh tế trước biến động khó lường của nền kinh tế toàn cầu. Những năm sản xuất nông nghiệp tăng cao đã tạo thuận lợi cho tăng trưởng kinh tế năm đó và năm tiếp theo. Ngược lại, nông nghiệp suy giảm, nền kinh tế phải gánh chịu nhiều hệ lụy, tăng trưởng suy giảm và nhiều vấn đề xã hội nảy sinh.

Lực lượng lao động nông thôn được giải phóng sau Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị Đảng cộng sản Việt Nam (năm 1988) đã góp phần đưa tăng trưởng GDP bình quân cả nước lên 8,8%/năm những năm 1990-1.996 và trên 7,7%/năm trong giai đoạn 2.000-2.007. Sau 20 năm Đổi mới, từ 2007 đến 2012 nhịp độ tăng trưởng nông nghiệp suy giảm, chỉ đạt bình quân 3,26%/năm (thấp hơn 0,55% bình quân 5 năm trước đó) khiến tăng trưởng GDP cả nước đã từ 7,7%/năm rơi xuống chỉ đạt bình quân 6,6%/năm (thấp hơn 1,1% của 5 năm trước). Quan hệ giữa tăng trưởng GDP và mức tăng tổng sản phẩm nông nghiệp từ 2005 đến 2016 được thể hiện trong bảng 2.

Bảng 2. Quan hệ tăng trưởng GDP và tổng sản phẩm nông nghiệp giai đoạn 2005-2016

Đơn vị: %

Năm	2005	2007	2009	2010	2012	2013	2014	2015	2016
Tăng GDP%	8,44	8,46	5,32	6,78	5,02	5,42	5,7	6,7	6,1
Tăng SPNN	3,69	3,76	1,82	2,78	2,67	2,96	3,4	2,4	1,4

Nguồn: Tổng cục Thống kê, WB 2017

Hội nhập vào nền kinh tế toàn cầu, nông nghiệp Việt Nam đã phát huy được lợi thế đặc thù trong phát triển những mặt hàng nông sản với kim ngạch xuất khẩu ngày một tăng cao. Năm 2001, giá trị nông sản xuất khẩu đạt 3,17 tỷ USD đến năm 2010, giá trị này đã lên 19,15 tỷ (chiếm 27% tổng giá trị xuất khẩu); năm 2012 xuất khẩu nông sản đạt 27,5 tỷ USD với mức xuất siêu 10,6 tỷ USD và năm 2016, xuất khẩu các mặt hàng nông sản đã vượt ngưỡng 31 tỷ USD, cao gấp 10 lần kim ngạch xuất khẩu dầu thô,

Ngành nông nghiệp đã có tiến bộ vượt bậc trong hơn ¼ thế kỷ và Việt Nam đã được bình chọn là nước thành công về an ninh lương thực. Việc dỡ bỏ rào cản thương mại và sản xuất tập thể cuối thập niên 1980 và trong những năm 1990 đã khuyến khích tập trung nguồn vốn con người và vật chất cho ngành nông nghiệp. Từ một quốc gia bị thiếu đói, sản lượng lương thực bình quân đầu người đã đứng ở mức cao trong nhóm các nước thu nhập trung bình.

Phát huy lợi thế tự nhiên, Việt Nam đã vươn lên trở thành một nhà cung cấp lớn trên thị trường nông sản thế giới cả về quy mô và phạm vi thương mại. Đến nay đã có 10 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu hàng năm trên 1 tỷ USD, đưa đất nước vào nhóm 5 quốc gia xuất khẩu nông sản hàng đầu thế giới.

Nghiên cứu thực trạng phát triển ngành nông nghiệp, báo cáo Phát triển Việt Nam 2016 của Ngân hàng Thế giới (WB) đã chỉ ra chất lượng, tính bền vững của tăng trưởng nông nghiệp và cách thức phát triển còn nhiều hạn chế. Tỷ suất lợi nhuận thấp, tình trạng thiêu việc làm tương đối nghiêm trọng; chất lượng sản phẩm và an toàn vệ sinh thực phẩm thiếu ổn định; giá trị bổ sung không cao; đặc biệt, trình độ đổi mới sáng tạo công nghệ còn thấp. Những hạn chế này đã thể hiện qua chất lượng tăng trưởng của ngành nông nghiệp Việt Nam.

Cho đến nay, tốc độ tăng trưởng GDP nông nghiệp và mức tăng năng suất yếu tố tổng hợp (TFP) đang chậm lại. Trên nhiều phương diện, phát triển nông nghiệp đã gây tổn hại môi trường như tàn phá rừng, mất đa dạng sinh học, thoái

hóa đất, ô nhiễm nước và phát thải khí nhà kính cao. Ở hầu hết các địa phương, tăng trưởng nông nghiệp đều dựa trên tăng diện tích canh tác; thâm canh, tăng vụ; thâm dụng tài nguyên thiên nhiên, lạm dụng phân bón hóa học và thuốc trừ sâu. Thực trạng diễn ra khiến chi phí đầu vào ngày càng cao và làm gia tăng chi phí môi trường (WB, 2016).

Trong phát triển, ngành nông nghiệp đang bị cạnh tranh trong nước về lao động, đất đai và nguồn nước do quá trình phát triển nhanh đô thị, công nghiệp và dịch vụ. Hệ quả tiêu cực của sử dụng thái quá vật tư đầu vào và tài nguyên thiên nhiên thể hiện rõ với ô nhiễm môi trường gia tăng và lợi nhuận của người nông dân ngày càng suy giảm.

Phân tích cụ thể tình trạng phát triển nông nghiệp, các nhà nghiên cứu đã chỉ ra những tồn tại trên các mặt: Phân chia lợi ích của các bên tham gia trong chuỗi giá trị ngành hàng; cải cách đất đai và quyền sử dụng đất; khoa học công nghệ lạc hậu; tiếp cận tín dụng hạn chế; thiếu kết cấu hạ tầng; sử dụng quá nhiều hóa chất, nhất là phân hóa học và thuốc trừ sâu; biến đổi khí hậu và ô nhiễm đất nông nghiệp ngày càng nghiêm trọng.

Sau hơn 20 năm đổi mới, năng suất lao động nông nghiệp Việt Nam vẫn vào loại thấp. Sản lượng tạo ra của một lao động nông nghiệp Việt Nam chỉ bằng 1/3 Indonesia và tương đương với 1/2 Thái Lan và Philippin (ADB 2017). Nông nghiệp Việt nam còn thua kém nhiều nước trong khu vực về năng suất sử dụng nước, lao động và đất nông nghiệp. Khoảng cách thu nhập nông nghiệp và phi nông nghiệp ngày càng cách xa; còn bất bình đẳng thu nhập khu vực nông thôn lại có xu thế gia tăng. Hầu hết nông sản được bán dưới dạng thô với giá thấp. Trong khi thực phẩm Việt nam trở nên hấp dẫn ở những nước thu nhập cao, thì hầu như thực phẩm Việt cung cấp lại chưa được người tiêu dùng biết đến.

Tăng trưởng nông nghiệp Việt Nam chủ yếu vẫn dựa vào quảng canh, thâm dụng đất và tài nguyên khác hoặc lạm dụng phân vô cơ, thuốc kháng sinh và hóa

chất nông nghiệp. Quá trình mở rộng diện tích cây trồng và vật nuôi đã làm nghiêm trọng thêm tình trạng phá rừng, làm mất đa dạng sinh học và suy kiệt nguồn nước. Ngân hàng Thế giới cho rằng, nông nghiệp Việt Nam đang đứng trước ngã 3 đường. Ngành nông nghiệp đang phải đối mặt với cạnh tranh ngày càng nhiều đối với khu vực đô thị, công nghiệp và dịch vụ cả về lao động, đất đai và nguồn nước (WB, 2016).

3. Xuất khẩu nông sản, thành công và nét mới từ các ngành hàng

Giữa những thông tin bất lợi về thị trường, gần đây nông sản xuất khẩu Việt Nam đã có những tín hiệu khả quan; liên tục nhiều năm, ngành nông nghiệp đạt tăng trưởng khá với mức xuất siêu năm sau cao hơn năm trước, góp phần tích cực vào cân đối cán cân thanh toán quốc tế và giải quyết khó khăn của nền kinh tế.

Năm 2016, kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng nông-lâm-thủy sản đã vượt ngưỡng 31,2 tỷ USD, cao gấp 10 lần kim ngạch xuất khẩu dầu thô. Đáng quan tâm là, hàng nông sản đã chiếm trên 50% trong số 20 ngành hàng có kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD của cả nước (Bảng 2). Theo đó, nhóm hàng đạt cao nhất là thủy sản có mức tăng 23%; gỗ và sản phẩm gỗ tăng 14,4%; cà phê 29,2%; hạt điều 23,6%; hồ tiêu tăng 43% và rau quả trên 42,7% (Phan Chánh Dưỡng, 2017).

Bảng 2. Xuất khẩu nông sản năm 2016

Đơn vị: 1.000 tấn, triệu USD, %

Mặt hàng	Khối lượng (1.000 tấn)	+/- so 2015(%)	Giá trị (Triệu USD)	+/- so 2015(%)
Rau quả			2.458	+33,4
Hạt điều	347	+5,5	2.843	+18,3
Cà phê	1.782	+32,8	3.336	+24,7

Chè	131	+4,9	217	+1,9
Hạt tiêu	178	+34,1	1.429	+13,4
Gạo	4.836	-26,6	2.172	-22,5
Sắn và SP từ sắn	3.693	-10,2	999	-24,1
Cao su	1.254	+10,2	1.672	=9,1

Nguồn: Hải quan Việt Nam 2017

Mặc dù những biến động về thời tiết, sản xuất và thị trường đã tác động không nhỏ đến sản xuất nông nghiệp; song sự bùng nổ của nhiều ngành hàng trong năm 2016 đã nâng cao được tổng kim ngạch xuất khẩu của các mặt hàng nông sản. Theo Cục xúc tiến Thương mại Bộ Công Thương, rau quả là mặt hàng tăng trưởng ấn tượng và có bước tiến lớn tại những thị trường khó tính. Tổng kim ngạch xuất khẩu rau củ, quả đã từ mức trung bình 818 triệu USD/năm giai đoạn 2010-2014 (tăng bình quân 27,7%/năm), năm 2015 tăng lên 1,8 tỷ USD và năm 2016 đạt 2,46 tỷ USD (vượt qua lúa gạo với kim ngạch xuất khẩu 2,17 tỷ USD). Nhiều chủng loại rau quả đã thâm nhập được vào các thị trường khó tính như Australia, Hoa Kỳ.... tạo được lòng tin và nâng cao uy tín đối với thương hiệu rau, củ quả Việt Nam (Cục xúc tiến Thương mại Việt Nam, 2017)

Mặc dù không có “đột biến” lớn, nhưng thủy sản vẫn là ngành hàng đóng góp lớn nhất trong kim ngạch xuất khẩu nông nghiệp. Thị trường lớn nhất về ngành hàng này là Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Đức và Trung Quốc... đều duy trì được kim ngạch lớn và mức mức tăng trưởng cao. Theo Tổng cục Hải quan, mặt hàng thủy sản xuất khẩu trong giai đoạn 2010-2014 đã tăng trung bình 9,8%/năm; năm 2015 do giá cả sụt giảm mạnh chỉ đạt 6,56 tỷ USD; nhưng đến 2016 đã hồi phục lại, đạt kim ngạch xuất khẩu 7,95 tỷ USD (tăng 7,4% so với 2015).

Báo cáo xúc tiến Thương mại năm 2016 của Bộ Công Thương đã chỉ ra xu hướng tiếp tục gia tăng xuất khẩu cà phê tại các thị trường phát triển. Theo đó, kim

ngạch xuất khẩu giai đoạn 2010-2014 đạt bình quân 2,9 tỷ USD (tăng 15,1%/năm); sau kết quả sụt giảm của niên vụ 2014-2015, năm 2016 mặt hàng này đã tăng trưởng 24,9% so với năm 2015.

Là mặt hàng nông sản chủ lực; cà phê xuất khẩu của Việt Nam năm 2016 đạt 1,8 triệu tấn, trị giá 3,3 tỷ USD, cao hơn giá trị lúa gạo xuất khẩu và đứng thứ 2 thế giới sau Brazil. Sản xuất cà phê đã tạo việc làm nuôi sống hơn 2,5 triệu dân. Riêng Tây Nguyên đã trồng hơn 450.000ha, chiếm 90% tổng diện tích cà phê cả nước (An Sơn 2017)

Cây lúa Việt Nam giữ vững vị thế xuất khẩu thứ 3 thế giới với khối lượng gần 4,9 triệu tấn gạo, trị giá trên 2,1 tỷ USD trong năm 2016. Đồng bằng Sông Cửu Long vẫn là vựa lúa lớn nhất cả nước. Hàng trăm loại gạo đặc sản của 3 miền đất nước đã có mặt trong các bữa ăn của người dân từ châu Á, châu Phi đến Mỹ La tinh, v.v... Nhiều mô hình gạo sạch được nông dân nhân rộng để đảm bảo chất lượng xuất khẩu. Những cánh đồng "cò bay mỗi cánh" ở các huyện Hải Hậu, Nghĩa Hưng, Ý Yên thuộc vùng Đồng bằng Sông Hồng và nhiều huyện ở Đồng bằng Sông Cửu long đã được sản xuất theo hướng dùng thuốc bảo vệ thực vật sinh học hoặc áp dụng máy móc hiện đại.

Hồ tiêu là loại cây trồng xuất khẩu duy trì được tốc độ tăng trưởng cao với thị trường Hoa Kỳ chiếm ưu thế. Tổng kim ngạch xuất khẩu hồ tiêu đạt bình quân 853 triệu USD/năm trong thời kỳ 2010-2014 (tăng trưởng 28,1%/năm). Năm 2016 đã xuất khẩu trên 177.000 tấn trị giá hơn 1,4 tỷ USD sang hơn 30 thị trường thế giới.. Hạt hồ tiêu được ưa chuộng nhất là tiêu Phú Quốc (Kiên Giang) trồng ở đảo cách đất liền 45km, nơi có thổ nhưỡng đặc biệt giúp tiêu thơm và cay nồng giúp cho chất lượng thêm tuyệt hảo (An Sơn, 2017)

Nhìn lại bức tranh toàn cảnh xuất khẩu nông, lâm, thủy sản có thể thấy được sự mạnh, yếu của từng ngành hàng; trên cơ sở đó, có thể xác định được lợi thế của những mặt hàng trọng tâm. Sự sụt giảm cả về sản lượng và giá trị kim ngạch xuất

khẩu lúa gạo gần đây có thể là tín hiệu cảnh báo về cơ cấu sản xuất và xuất khẩu mặt hàng nông sản này.

Tại Diễn đàn xúc tiến xuất khẩu Việt Nam tháng 4 năm 2017, Đại diện Cục Xúc tiến Thương mại (Bộ Công Thương) cho biết, trong giai đoạn 2006-2015, kim ngạch xuất khẩu cả nước tăng 4 lần với nhịp độ gia tăng bình quân 17,5%/năm (từ mức 39,8 tỷ USD năm 2006 lên 162 tỷ USD năm 2015). Năm 2016, kim ngạch xuất khẩu đạt 176,6 tỷ USD, tăng 9% so với năm 2015. Tuy nhiên, nhóm hàng nông thủy sản mới chiếm 12,6% tổng kim ngạch xuất khẩu và tăng 7,7% so với năm trước.

Theo Cục xúc tiến Thương mại, hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam đã bộc lộ nhiều hạn chế; mặt hàng chủ lực vẫn trong tình trạng gia công; hàng nông sản, một thế mạnh, lại chỉ xuất khẩu dưới dạng thô hoặc sơ chế, tỷ lệ sản phẩm chưa đảm bảo chất lượng và tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm; giá trị gia tăng thu về không nhiều. Cũng theo đại diện Cục này, sức cạnh tranh của hàng hóa xuất khẩu còn yếu kém; nhiều ngành hàng phải đối diện với những khó khăn, thách thức lớn. Đối với nông sản xuất khẩu, nhiều đơn vị ở quy mô nhỏ, sản xuất phân tán, công nghệ lạc hậu; thiếu tầm nhìn và chiến lược cạnh tranh; năng lực quản trị kinh doanh hạn chế, chưa tạo được nhiều giá trị gia tăng cho sản phẩm và tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu. (Trần Thanh Hải 2017).

4. Chuyển đổi ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị giảm chi phí đầu vào

Trong bối cảnh bất ổn định của nền kinh tế toàn cầu, nhiều nước đã chuyển hướng từ phát triển kinh tế dựa vào xuất khẩu sang thay thế nhập khẩu và phát triển thị trường nội địa. Do cạnh tranh thủ nguồn lực từ bên ngoài để nâng cao sức cạnh tranh, xuất khẩu ở Việt Nam vẫn là con đường lựa chọn để thâm nhập vào

chuỗi giá trị, hội nhập sâu hơn vào nền kinh tế thế giới. Nhiều nhà phân tích cho rằng, *thay đổi mô hình tăng trưởng xuất khẩu* ngày càng trở nên cấp bách.

Những năm qua, tăng trưởng xuất khẩu nông sản Việt Nam chủ yếu dựa vào khai thác lợi thế sẵn có về tài nguyên và lao động giá rẻ. Dễ dàng nhận thấy, những nguồn lực này đang dần cạn kiệt. Hạn chế mang tính cơ cấu về khả năng khai thác, đánh bắt, nuôi, trồng sẽ làm suy giảm tốc độ tăng trưởng. Ngoài ra, tác động tiêu cực về môi trường cũng là cản trở cùng với lợi thế lao động rẻ giảm dần.

Tăng trưởng xuất khẩu nông sản năm 2016 với những tín hiệu đáng mừng, có thể mở ra triển vọng mới trong khai thác tiềm năng còn lớn. Từ đây, việc xây dựng mô hình tăng trưởng xuất khẩu nông sản cần hướng theo chiều sâu, tập trung vào khai thác lợi thế để nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả cạnh tranh. Theo nhiều phân tích, mô hình tăng trưởng sẽ được phát triển trên cơ sở đẩy mạnh cải cách thể chế, sử dụng công nghệ tiên tiến, nâng cao chất lượng nhân lực, xây dựng kết cấu hạ tầng hiện đại và đồng bộ nhằm chuyển nền sản xuất từ khai thác dưới dạng thô sang chế biến tinh xảo, nâng cao giá trị gia tăng của chuỗi giá trị trên một đơn vị tài nguyên khai thác.

Cùng với thay đổi mô hình tăng trưởng, việc chuyển dịch cơ cấu nhóm hàng nông lâm, thủy sản cũng cần dựa trên khai thác lợi thế của nền nông nghiệp nhiệt đới có mùa đông không quá giá lạnh, có thể sản xuất được nhiều sản phẩm phù hợp với nhu cầu của nhiều nước có mùa đông băng giá để gia tăng sản lượng và kim ngạch xuất khẩu.

Cơ cấu chuyển dịch cần hướng vào phát triển sản phẩm sạch, giá trị gia tăng cao, có sức cạnh tranh và vượt được rào cản thương mại ngày càng tinh vi của các nước nhập khẩu. Theo đó, cần tạo sự đột phá, mở rộng thị trường xuất khẩu sang Liên bang Nga và Đông Âu, Mỹ La Tinh, ...và tiếp tục coi châu Á-Thái Bình Dương là thị trường trọng điểm. Xuất khẩu sang các quốc gia và vùng lãnh thổ

này, Việt Nam sẽ tận dụng được lợi thế về khoảng cách địa lý và nhiều nét tương đồng về văn hóa.

Việc chuyển dịch cơ cấu hàng xuất khẩu nông lâm thủy sản chỉ có thể thực hiện tốt khi hoạt động xúc tiến thương mại được quan tâm cải cách và đổi mới, Theo giới phân tích, Xúc tiến xuất khẩu là hoạt động quan trọng, tối cần thiết để mở rộng thị trường, phát triển xuất khẩu hàng hóa.

Xúc tiến thương mại đã đóng góp tích cực vào tăng trưởng và phát triển xuất khẩu hàng hóa trong nhiều năm qua. Tuy nhiên, bước vào giai đoạn mới, khi XNK nông sản chuyển sang phát triển bền vững dựa vào công nghệ cao để xây dựng nền nông nghiệp sạch và sản xuất hàng hóa lớn, đòi hỏi phải đẩy nhanh đổi mới hoạt động này.

Xúc tiến xuất khẩu có chức năng xúc tiến bán hàng, gắn kết cung-cầu hàng hóa, gắn sản xuất với thị trường tiêu thụ. Thực trạng khó khăn trong gắn kết sản xuất nông sản hàng hóa với thị trường tiêu thụ và xuất khẩu đòi hỏi ngành thương mại phải tìm kiếm đầu ra cho nông sản hàng hóa từ thị trường trong nước đến thị trường xuất khẩu.

Xúc tiến bán hàng và hỗ trợ tiêu thụ hàng hóa là điểm yếu của hộ nông dân nhưng lại là thế mạnh của các tổ chức thương mại. Do vậy, xúc tiến thương mại trong thời gian đến cần tập trung vào hoạt động chuyên sâu; chủ động tìm kiếm thị trường và định hướng cho sản xuất đáp nhu cầu thị trường. Theo đó, các tổ chức xúc tiến xuất khẩu cần lựa chọn theo từng giai đoạn để tập trung hoạt động vào một số mặt hàng nông sản có tiềm năng phát triển; thực hiện đồng bộ gắn chương trình, kế hoạch sản xuất với phát triển thị trường (Nguyễn Văn Nam 2017)

Khắc phục tình trạng hàng hóa nông sản chỉ là nhóm hàng sơ chế hoặc nguyên liệu thô có giá trị thấp; để nâng cao giá trị gia tăng điều cần là tập trung cung cấp thông tin tiếp thị và xây dựng thương hiệu đối với những mặt hàng đã được thị trường thế giới chấp nhận, như thủy sản, cà phê, rau củ quả, lúa gạo, ...;

từng bước thiết lập hệ thống phân phối tại nhiều nước và khu vực, gắn với với thị trường tiêu thụ cuối cùng để mang lại giá trị gia tăng cao trong chuỗi giá trị toàn cầu.

Xuất khẩu nông sản là lĩnh vực đáng để nhà nước quan tâm đầu tư nhiều hơn cả về chính sách lẫn nguồn lực. Với thế mạnh của nền nông nghiệp truyền thống có nhiều sản phẩm đặc thù, từ nguồn nhân lực dồi dào, tài nguyên phong phú và khí hậu đa dạng; mở mang sản xuất, xuất khẩu được những mặt hàng nông sản làm ra từ sức lao động và nguồn tài nguyên trong nước sẽ là giải pháp hữu ích nâng cao nguồn thu ngoại tệ, đảm bảo cán cân thanh toán trong hội nhập sâu vào nền kinh tế toàn cầu.

Theo các nhà nghiên cứu, yếu tố quyết định trong việc nâng cao năng lực cạnh tranh xuất khẩu là ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ hiện đại để nâng cao chất lượng hàng hóa và dịch vụ, giảm giá thành và nâng cao năng lực cạnh tranh sản phẩm. Từ đây, chính sách và biện pháp tiến hành cần giúp người sản xuất nông sản tiếp cận và làm chủ được kỹ thuật mới, công nghệ hiện đại để áp dụng vào quá trình sản xuất kinh doanh.

Để có thể vươn ra thị trường thế giới, Nhà nước cần tạo dựng môi trường kinh doanh, hỗ trợ cho vay vốn và ứng dụng khoa học kỹ thuật, để từ đó có thể nâng cao được năng lực cạnh tranh, mở rộng quy mô sản xuất, từng bước tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu.

Quá trình hội nhập sâu, hàng rào thuế quan được dỡ bỏ, nhưng hàng rào phi thuế quan lại trở thành biện pháp phòng vệ thương mại; những quy định về môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm... sẽ được dựng lên. Do vậy, cần tạo điều kiện để người sản xuất nông sản hiểu rõ về những rào cản này trên từng thị trường; giúp họ có hiểu biết về thông tin và pháp lý... để sẵn sàng đối mặt với những xung đột trong quá trình sản xuất kinh doanh.

Từ thực tế diễn ra, trong thời gian tới, ngành nông nghiệp cần hướng vào “*gia tăng giá trị, giảm đầu vào*” đồng nghĩa với phải tạo thêm giá trị về kinh tế, nâng cao phúc lợi cho nông dân và người tiêu dùng; nhưng phải sử dụng ít tài nguyên, nhân công và đầu vào trung gian độc hại. Như vậy là, tăng trưởng nông nghiệp chủ yếu sẽ dựa trên nâng cao hiệu suất, đổi mới sáng tạo, đa dạng hóa và nâng cao giá trị gia tăng. Theo đó, đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp phải tập trung vào mục tiêu cơ bản cả về phát triển kinh tế, xã hội và bền vững về môi trường (WB, 2016).

Chuyên gia của Ngân hàng Phát triển châu Á-Thái Bình Dương (ADB) từng nhìn nhận: Chuyển đổi mạnh mẽ làm cho ngành nông nghiệp trở nên hiệu quả và bền vững là yếu tố thiết yếu để nâng cao khả năng tăng trưởng GDP, giúp cho Việt Nam trở thành nước có vị thế thu nhập trung bình cao. Để giải quyết được sự chuyển đổi này, phải vượt qua được thách thức về cấu trúc thị trường và khả năng cạnh tranh; tăng cường cơ sở hạ tầng nông thôn; quản lý tài nguyên bền vững và giải quyết tác động ngày càng tiêu cực của biến đổi khí hậu (ADB, 2017).

Phân tích thách thức phát triển, các nhà nghiên cứu đã chỉ ra: Các doanh nghiệp nhà nước đang thống lĩnh nguồn cung yếu tố đầu vào, chế biến sau thu hoạch và tiếp thị sản phẩm. Doanh nghiệp nhà nước còn độc quyền bán buôn, đồng nghĩa với phần lớn giá cả sản phẩm đầu ra thuộc về các chủ thể trung gian thiếu hiệu quả. Tác nhân này đã làm giảm thu nhập của người nông dân và giảm động lực đầu tư.

Để duy trì tăng trưởng mạnh trong ngành nông nghiệp, đầu tư công để duy trì cơ sở hạ tầng nông thôn hiện có và xây dựng mới trong lĩnh vực thủy lợi, giao thông, xử lý và bảo quản sau thu hoạch là những nội dung quan trọng. Ngoài ra, người dân nông thôn cần vận dụng được công nghệ và phương pháp cải tiến mang lại năng suất và thân thiện môi trường cao hơn trong sản xuất nông nghiệp. Để làm

việc này đòi hỏi phải có sự liên kết mạnh mẽ giữa các tổ chức nghiên cứu với người sản xuất nông nghiệp.

Trên 80% số thửa đất canh tác ở Việt Nam có diện tích dưới 1ha, người sản xuất nông nghiệp phải dựa ngày càng nhiều hơn vào những mảnh đất canh tác nhỏ hẹp, dùng nhiều phân bón vô cơ và những hóa chất độc hại mà ít tính đến ảnh hưởng môi trường lâu dài. Ngoài ra, nông nghiệp đang sử dụng trên 82% lượng nước ngọt trước sự suy giảm chất lượng do sự đe dọa của ô nhiễm môi trường. Yêu cầu quản lý tài nguyên bền vững đòi hỏi phải có những chính sách khuyến khích tích tụ đất đai và bảo vệ tài nguyên đất, nước để phát triển lâu dài.

Là một trong 5 quốc gia dễ bị tổn thương nhất trước biến đổi khí hậu, nông nghiệp Việt Nam đứng trước nguy cơ lớn hơn so với nhiều nước trong khu vực. Để chuẩn bị ứng phó kịp thời với hiểm họa thiên tai và biến đổi khí hậu, rất cần sự lãnh đạo mạnh mẽ và quyết liệt, đảm bảo sao cho những cân nhắc về biến đổi khí hậu được lồng ghép đầy đủ vào công tác hoạch định chính sách, dành những ưu tiên cho các dự án đầu tư xanh và giải pháp thông minh trong cải thiện, nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn tài nguyên thiên nhiên.

Trước ngã 3 đường, để nông nghiệp Việt Nam không lặp lại quá khứ; các nhà phân tích cho rằng, cần tăng nguồn lực tăng trưởng mới. Theo đó, phải tăng được giá trị sản phẩm nông nghiệp và giảm thiểu giá trị đầu vào để tăng giá trị cho nông dân sản xuất và người tiêu dùng; đồng thời với giảm sử dụng đất đai, lao động, chất thải và ô nhiễm. Đáp ứng yêu cầu này, sản xuất nông nghiệp phải hướng vào gia tăng hiệu suất, phát huy sáng tạo và vận dụng được các kỹ năng kinh doanh.

Trước thách thức hạn chế quy mô sử dụng đất đai, chi phí giao dịch cao; nhằm tạo điều kiện tích tụ đất đai và lợi thế quy mô sản xuất rất cần nâng cấp hệ thống sản xuất, giảm chi phí giao dịch và tạo thu nhập hợp lý cho các gia đình sản xuất nông nghiệp

Từ vai trò kiến tạo của nhà nước, WB đã nhấn mạnh vai trò của Chính phủ hướng vào đáp ứng nhu cầu của người sản xuất và tiêu dùng sản phẩm nông nghiệp. Mặt khác, cũng cần giảm vai trò Chính phủ trong quy hoạch sử dụng đất dài hạn; giảm vai trò trực tiếp kinh doanh và đầu tư trực tiếp vào chuỗi cung ứng, thu mua... để tăng cường khả năng kiến tạo, thúc đẩy và điều tiết thị trường; tạo môi trường đầu tư phát triển doanh nghiệp nông nghiệp và kho vận; cung cấp thông tin; kiến tạo liên kết nông dân-doanh nghiệp nông nghiệp và quản lý rủi ro thương mại (WB, 2016).

Thay cho lời kết

Sau 30 năm Đổi mới, Việt Nam đã nổi lên, trở thành nhà cung cấp nông sản lớn trên thị trường toàn cầu. Mặc dù có nhiều kết quả đáng khích lệ, song chất lượng nông sản và thu nhập của người nông dân chậm cải thiện. Hầu hết nông sản xuất khẩu được bán dưới dạng thô với giá thấp. Hệ lụy của thâm dụng tài nguyên và vật tư công nghiệp đầu vào đã thể hiện rõ nét cả về suy thoái môi trường và thu nhập thấp của người nông dân.

Từ khát vọng hướng tới một quốc gia thịnh vượng, sáng tạo, công bằng và dân chủ để đạt mức thu nhập trung bình cao vào năm 2035; trong vòng 15-20 năm tới hệ thống nông nghiệp hiện đại phải là nguồn sinh kế chính và trực tiếp mang lại từ 25% đến 30% tổng số việc làm, đóng góp khoảng 1/5 vào GDP đồng thời với nâng cao năng lực cạnh tranh để đứng vững trong nhóm nước xuất khẩu nông sản hàng đầu thế giới.

Trước yêu cầu phát triển đất nước, việc cải cách hệ thống nông nghiệp mới ở giai đoạn ban đầu, rất cần những nghiên cứu đa lĩnh vực gắn với nhu cầu thực tiễn cũng như xây dựng các mô hình liên kết đảm bảo hài hòa lợi ích trong chuỗi giá trị của mỗi ngành hàng. Hy vọng bước khởi đầu trong xây dựng mô hình chuyển đổi

theo hướng ” *Tăng giá trị, giảm chi phí đầu vào* ” sẽ mở ra sự phát triển mới tốt đẹp hơn đối với sản xuất nông nghiệp nước nhà./.

Tài liệu tham khảo

- Wikipedia*(2017) Địa lý Việt Nam http://vi.wikipedia.org/wiki/Dia_ly_Viet_Nam
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ* (2017) Một số thông tin về địa lý Việt Nam <http://www.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/NuocCHXHCNVietNam/ThongTinTongHop/dialy>
- WB* (2016) Báo cáo phát triển Việt Nam năm 2016 Chuyển đổi nông nghiệp Việt Nam: Tăng giá trị, giảm đầu vào. NXB Hồng Đức, Hà Nội
- WB* (2016) Cập nhật tình hình phát triển kinh tế, chuyển đổi nông nghiệp Việt Nam, tăng giá trị đầu vào, Ngân hàng Thế giới tháng 12
- ADB* (2017) Triển vọng phát triển châu Á 2017, Cập nhật và triển vọng kinh tế Việt Nam 2017-2018
Hà Nội ngày 10 tháng 4
- 50 Years ADB* (2017) Cải cách nông nghiệp là then chốt để Việt Nam thúc đẩy tăng trưởng
Thông cáo báo chí ADB Hà Nội ngày 10 tháng 4
- Tikhonop* (1981) Sản xuất nông nghiệp trong hệ thống kinh tế quốc dân Quản lý nông nghiệp xã hội chủ nghĩa NXB Sự thật Hà Nội 1981
- Bộ NN&PTNT*(2016) Nhìn lại năm 2016: Nhiều điểm sáng trong xuất khẩu nông sản, VP Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Ngày: 21/12
- Phạm Thị Thanh Bình* (2017). Phát triển nông nghiệp Việt Nam: Thành tựu và hạn chế
Học viện Nông nghiệp Việt Nam www.vnua.edu.vn ngày 17 tháng 01
- Đào Thế Anh* (2016) Nông nghiệp sinh thái và phát triển bền vững nông nghiệp Việt Nam, Hà Nội, ngày 25 tháng 10
- Phan Chánh Dưỡng* (2017) Phát triển bền vững thị trường nông sản, Tiếp thị Thế giới 09:22 – 14 tháng 01
- Lê Thành Ý* (2016) Hướng tới một quốc gia thịnh vượng, sáng tạo, công bằng và dân chủ-khát vọng Việt Nam 2035. Tạp chí Thông tin & Phát triển số 4+5